Biểu mẫu 09

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông, Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	- HS tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 HS chủ yếu thuộc địa bàn TP. Thủ Đức. - Tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT do sở GD&ĐT TP. HCM tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường theo các nguyện vọng: Nguyện vọng 1: 10.75 Nguyện vọng 2: 11 Nguyện vọng 3: 11.5	- Học sinh đủ điều kiện lên lớp theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo. - Học sinh chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo qui định của sở GD&ĐT	- Học sinh đủ điều kiện lên lớp theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo. - Học sinh chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo qui định của sở GD&ĐT
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	Thực hiện theo chương trình Giáo dục trung học phổ thông Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT Căn cứ Chương trình tổng thể ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Căn cứ Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông		

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
		hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh từ năm học 2017-2018. Căn cứ văn bản số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Căn cứ văn bản số 3157/ SGDĐT- GDTrH ngày 06 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023		
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	- Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp để cùng chăm lo việc học tập của con em. - Tổ chức họp CMHS ít nhất 3 lần/năm. - HS cam kết thực hiện nội qui trường, lớp.		
IV	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	- Công khai các chương trình học tập và hoạt động giáo dục mà nhà trường thực hiện trong năm cho toàn thể PHHS được biết như: NGLL, Ngoại khóa, học tập trải nghiệm, GD kỹ năng sống, hướng nghiệp… - Tổ chức bán trú, liên hệ nhà xe đưa rước, phổ cập bơi, sinh hoạt câu lạc bộ TDTT, Văn nghệ, Nữ công, tin học văn phòng quốc tế... tham gia các hoạt động chuyên đề, ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, thể dục giữa giờ, học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài...		
V	**Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	**Dự kiến kết quả đạt được trong năm:** - Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng: 95%; - Tỉ lệ tốt nghiệp THPT: 100 %; - Số học sinh giỏi cấp thành phố: 05 giải - Số học sinh giỏi trên máy tính Casio: 04 giải - Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá giỏi: 70 %; - Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt: 94%; - Học sinh đậu đại học, cao đẳng công lập cao hơn năm trước. -Sức khỏe ~99% học sinh học bình thường		

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
VI	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	- Có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất để tiếp tục học tập lớp trên. - Trường sẽ phối hợp với các trường THPT trong cụm để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường	- Có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất để tiếp tục học tập lớp trên. - Trường sẽ phối hợp với các trường THPT trong cụm để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường	- Tất cả học sinh có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất để tiếp tốt nghiệp THPT và được xét tuyển vào các trường Đại học và Cao đẳng.

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

Nguyễn Hoàng Diễm Ly

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, Năm học 2022 -2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1250**	**494**	**355**	**401**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**71.04%**	62.55%	65.07%	86.78%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**23%**	27%	30%	11%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**3.92%**	5.67%	3.94%	1.75%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**2.2%**	4.7%	1.1%	
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1250**	**494**	**355**	**401**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.72%	10.93%	18.31%	16.21%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**54.16%**	46.36%	50.14%	67.33%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	**28.72%**	39.07%	28.17%	16.46%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	**2.32%**	3.44%	3.38%	0.0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	**0.08%**	0.2%	0.0%	0.0%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1250**	**494**	**355**	**401**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	95.60%	92.11%	95.49%	100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14.64%	10.73%	18.31%	16.21%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	52.80%	43.93%	49.01%	67.08%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2.16%	3.04%	3.38%	0.0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.24%	0.61%	0.0%	0.0%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2.00%	3.64%	1.69%	0.25%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3.40%	5.18%	2.74%	1.72%
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	15			15
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	15			15
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	401			401
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	398			398
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6 1.50%			6 1.50%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	243 60.60%			243 60.60%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	149 37.16%			149 37.16%
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	322 66.94%			322 66.94%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	624/626	257/237	176/179	191/210
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	13	7	2	4

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

Nguyễn Hoàng Diễm Ly

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông, Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	42	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	42	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	7	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	4	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	-
III	**Số điểm trường**	1	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	27.600 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	11.470 m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	2.469 m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	200 m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	126 m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	280 m^2	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	69.23 m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	13 tivi	1 lớp/máy
1.2	Khối lớp 11		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.3	Khối lớp 12 Có 4 bảng tương tác dùng chung cho 3 khối	13 máy chiếu	1 lớp/máy
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Đạt yêu cầu	
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	80	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	16	
2	**Cát xét**	3	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	1	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	13	
5	**Thiết bị khác...**		
6	**.....**		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	13	
5	Thiết bị khác...		
..	.....		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	338 m^2

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	10	500	
XIII	**Khu nội trú**	0	0	

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	x	x	x	x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

Nguyễn Hoàng Diễm Ly

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN TĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	76		14	54	2		6	65						
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	62		12	50				62						
1	Toán	10		3	7				10			9	1		
2	Lý	5		1	4				5			5			
3	Hóa	4			4				4			4			
4	Sinh	4			4				4			4			
5	Sử	3			3				3			3			
6	Địa	3		1	2				3			3			
7	GDCD	3			3				3			3			
8	Tiếng Anh	9		1	8				9			9			
9	Văn	7		2	5				7			7			
10	Công nghệ	3			3				3			3			
11	Tin	3		2	1				3			3			
12	TD	5		2	3				5			5			
13	QP	3			3				3			3			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
II	**Cán bộ quản lý**	3		2	1				3						
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1				2			2			
III	**Nhân viên**														
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên giáo vụ	1				1									

Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 9 năm 2022.

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN VĂN TĂNG

Nguyễn Hoàng Diễm Ly